TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐĂK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày 26/7/2019
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Hưng và ông Vũ Đức Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TLST-DS ngày 18/3/2019 về việc:*"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-DS ngày 03/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn N, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Bà Cao Thị Thùy L, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn S (Bon B N), xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 25/8/2017 âm lịch, tôi (Nh) có cho bà Cao Thị Thùy Li vay số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận không tính lãi suất, thời hạn thanh toán vào ngày 25/10/2017 âm lịch bà L phải trả toàn bộ số tiền vay cho tôi. Đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà L không chịu trả và bỏ nhà đi từ ngày 08/10/2017. Đi đâu không biết và cũng không thông báo cho tôi biết.

Ngày 19/7/2018 tôi có làm đơn yêu cầu Tòa án nhan dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông " Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú" và đến ngày 24/12/2018 Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã ban hành quyết định số 05/2018/ ngày 24/12/2018 tuyên bố bà Cao Thị Thùy L trú tại Thôn S (Bon B N), xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông vắng mặt nơi cư trú.

Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Cao Thị Thùy L phải trả số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc.

* Bị đơn Bà Cao Thị Thùy L trình bày: Bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương vào ngày 08/10/2017 và Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã ban hành quyết định số 05/2018/ ngày 24/12/2018 tuyên bố bà Cao Thị Thùy L trú tại Thôn S (Bon B N), xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông vắng mặt nơi cư trú.

Người làm chứng:

Ý kiến của anh Điểu B L (chồng của bà L): Việc vợ tôi (L vay tiền của bà Nh thì tôi không hề hay biết, không được sử dụng. Bà L vay tiền của bà Nh thì bà L phải có trách nhiệm trả chứ tôi không có liên quan gì. Trong khoảng thời gian bà L vay tiền của bà Nh thì bà Nh có đến nhà tôi nhưng không hề nói gì về việc bà L vay tiền của bà Nh cho tôi biết.

Phần tranh luận tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền gốc 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng);

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh. Buộc bà Cao Thị Thùy L phải trả số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc cho bà Nh.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Buộc bà Cao Thị Thùy Li phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn lên làm việc; Tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải với các bên đương sự là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã ban hành quyết định số 05/2018/ ngày 24/12/2018 tuyên bố bà Cao Thị Thùy L trú tại Thôn S (Bon B N), xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông vắng mặt nơi cư trú nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn xét xử vắng mặt bị đơn. Bị đơn bà Cao Thị Thùy L cư trú tại Thôn S (Bon B N), xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nh yêu cầu bà L phải trả cho bà số tiền gốc là 450.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 25/8/2017 âm lịch thời hạn trả là ngày 25/10/2017 âm lịch đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa bà Nh và bà L theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Ngày 25/8/2017 bà Nh cho chị L vay số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), không tính lãi suất, thời hạn thanh toán vào ngày 25/10/2017 âm lịch. Hai bên có làm giấy biên nhận vay tiền viết tay. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán bà L không thanh toán số tiền trên cho bà Nh. Nên bà Nh mới khởi kiển ra TAND huyện Tuy Đức đển yêu cầu bà L phải trả toàn bộ số tiền cho bà Nh theo giấy vay tiền trên.

Nhận định của Hội đồng xét xử:

[1] Về giấy biên nhận vay tiền bằng giấy viết tay giữa hai bên lập ngày 25/8/2017 âm lịch. các bên nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận có giao dịch và thực hiện hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng này là có thật, đã thực hiện trên thực tế.

[2] Giữa bà Nh và bà L có thỏa thuận và viết giấy biên nhận vay tiền với nhau. Bà Nh đã giao đủ tiền cho bà L. Quá trình thực hiện giao dịch các đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký kết, thỏa thuận hợp đồng.

[3] Căn cứ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản (giấy biên nhận vay tiền) đề ngày 25/8/2017 âm lịch thì bà L có nghĩa vụ thanh toán đủ số tiền 450.000.000 đồng trên cho bà Nh vào ngày 25/10/2017 âm lịch. Trước khi đến thời điểm trả nợ cho bà Nh thì bà L đã bỏ nhà đi và bà Nh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà L vắng mặt nơi cư trú theo quyết định số 05/2018/QĐDS-ST ngày 24/12/2018.

[4] Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức là có sơ sở nên cần chấp nhận;

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh; buộc bà Cao Thị Thùy L phải trả cho bà Nhẫn số tiền gốc là 450.000.000 đồng

[5] Về án phí: Bị đơn bà Cao Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 357; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh đối với bà Cao Thị Thùy L;

1. Buộc bà Cao Thị Thùy L phải trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền 450.000.000 đồng(Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án. *(Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự)*

2. Về án phí DSST là 22.000.000 đồng *(Hai mươi hai triệu đồng)*. Buộc bà Cao Thị Thùy L phải nộp 22.000.000 đồng *(Hai mươi hai triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000702 ngày 15/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T Đ ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

đã ký

Phạm Văn Quân